

THỊ TRƯỜNG HOA KỲ

CÔNG THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI - WWW.VIETNAMEXPORT.COM

2014



MỤC LỤC

Phần 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG HOA KỲ.....	2
1. Giới thiệu về Hoa Kỳ.....	2
2. Quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ.....	5
Phần 2. QUY ĐỊNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO HOA KỲ.....	11
1. Một số điểm cần lưu ý trong hệ thống pháp luật Hoa Kỳ.....	11
2. Thủ tục hải quan khi xuất khẩu hàng hóa vào Hoa Kỳ.....	12
3. Thủ tục thành lập công ty hoặc mở văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ.....	13
4. Một số điểm lưu ý khi kinh doanh tại Hoa Kỳ.....	14
PHẦN 3. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH.....	17
1. Cơ quan đại diện thương mại tại Hoa Kỳ.....	17
2. Danh sách nhà xuất nhập khẩu.....	32

PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG HOA KỲ

1. Giới thiệu về Hoa Kỳ

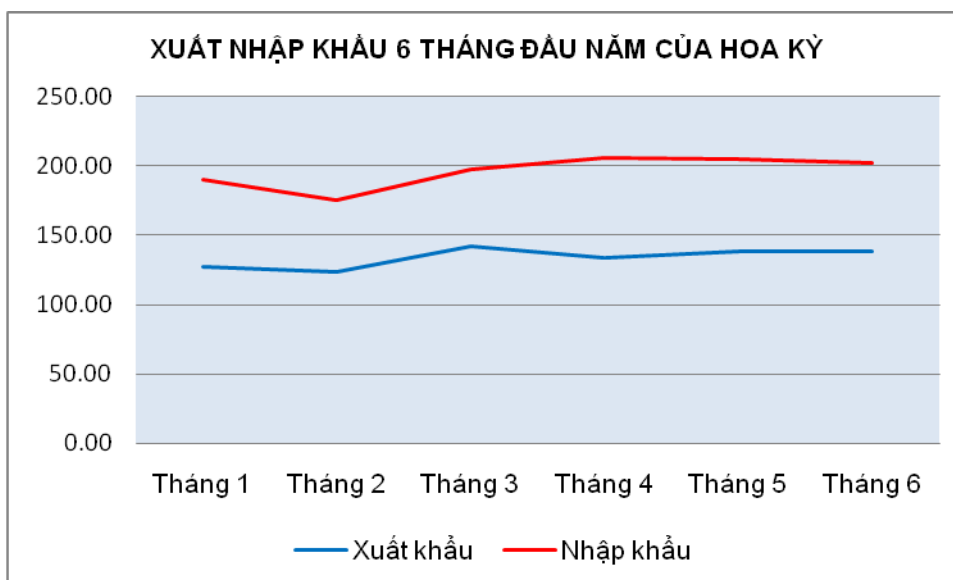
Trong Quý II/2014, kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng tốt hơn so với dự kiến, đạt tốc độ tăng trưởng 4% so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng chủ yếu từ tăng chi tiêu dùng, đầu tư kinh doanh cũng được, đầu tư chính phủ và đầu tư xây dựng nhà. Thị trường cũng tạo được nhiều việc làm hơn, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp ở mức dưới 300.000, đây là mức thấp nhất trong vòng 8 năm qua. Dự báo, cuối năm 2014, kinh tế Hoa Kỳ có thể đạt mức tăng trưởng 3%.

Đối với xuất nhập khẩu, trong sáu tháng đầu năm kim ngạch xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ tương đối ổn định, thặng dư thương mại âm và ít biến động.

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014 CỦA HOA KỲ

Đơn vị: tỷ USD

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
Xuất khẩu	127.52	123.96	141.96	133.89	138.22	138.41
Nhập khẩu	189.85	175.04	197.79	206.20	205.49	202.65
Tổng kim ngạch	317.37	299.00	339.75	340.09	343.70	341.06
Thặng dư	-189.85	-175.04	-197.79	-206.20	-205.49	-202.65



Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

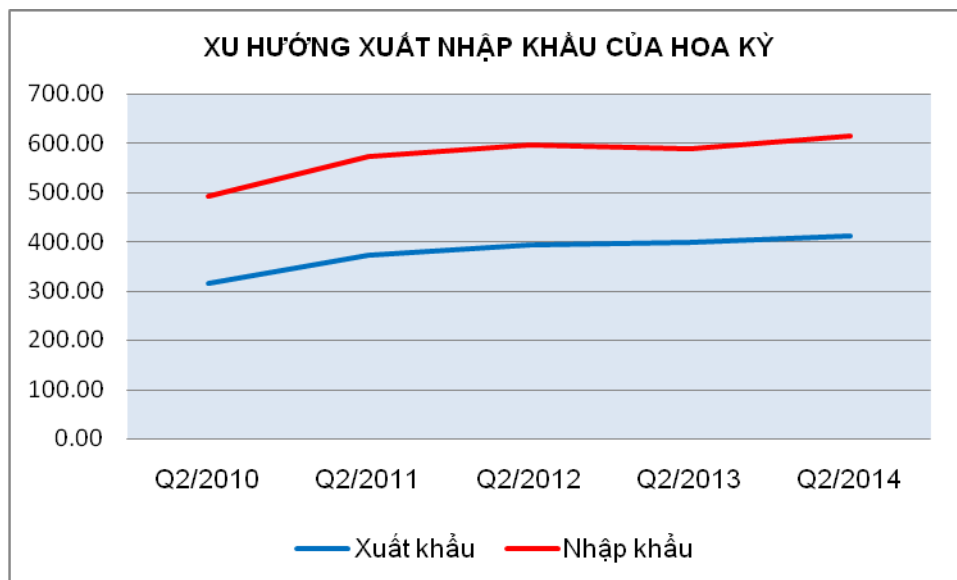
Trong quý II xuất khẩu của Hoa Kỳ đạt kim ngạch 410.52 tỷ USD, tăng 3.23% so với cùng kỳ năm 2013, nhập khẩu đạt kim ngạch 614.34 tỷ USD, tăng 4.44% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung, trong vòng 5 năm qua xuất nhập khẩu đã đi vào ổn định, tốc độ tăng trưởng, thặng dư thương mại ổn định có xu hướng tăng nhẹ.

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KỲ

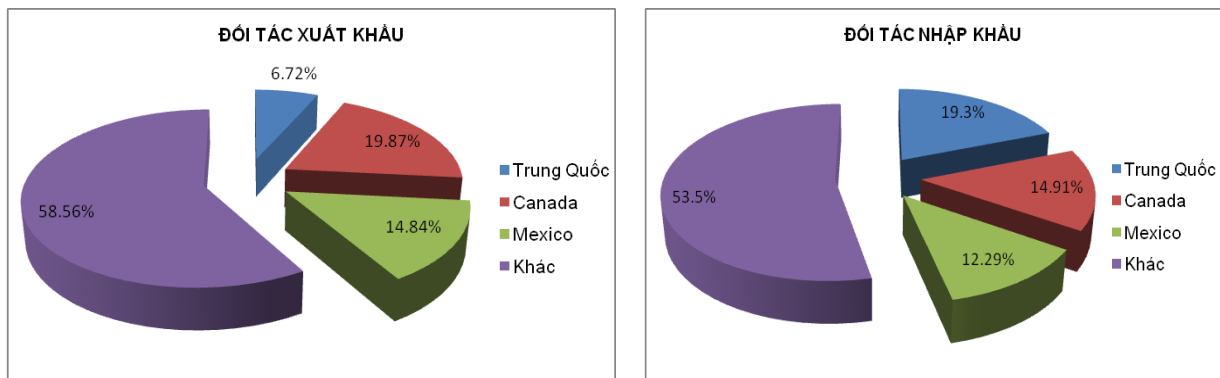
Đơn vị: tỷ USD

	Q2/2010	Q2/2011	Q2/2012	Q2/2013	Q2/2014
Xuất khẩu	314.62	370.57	391.79	397.66	410.52
Nhập khẩu	491.68	573.42	595.06	588.25	614.34
Tổng kim ngạch	806.29	943.99	986.85	985.90	1,024.85
Thặng dư	-177.06	-202.85	-203.27	-190.59	-203.82
Tăng trưởng xuất khẩu		17.79	5.73	1.50	3.23
Tăng trưởng nhập khẩu		16.63	3.77	-1.15	4.44



Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

XUẤT NHẬP KHẨU VỚI MỘT SỐ ĐỐI TÁC CHÍNH



Ba đối tác thương mại lớn nhất của Hoa Kỳ là Canada, Trung Quốc và Mexico. Trong đó Canada là đối tác xuất khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ, kim ngạch xuất khẩu của Hoa Kỳ sang Canada đạt khoảng 81.76 tỷ USD trong quý II/2014 chiếm khoảng 19.87% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ và kim ngạch nhập khẩu từ Canada đạt 91.58 tỷ USD chiếm khoảng 14.91% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu sang Canada gồm có: các loại hàng hóa đặc biệt, xăng nhẹ, ô tô, bộ phận thiết bị động cơ xe, thiết bị liên lạc, thực phẩm đã qua chế biến...

Trong khi đó Trung Quốc là đối tác nhập khẩu lớn nhất của Hoa Kỳ, kim ngạch nhập khẩu từ nước này đạt 118.55 tỷ USD chiếm 19.29% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ, kim ngạch xuất khẩu đạt 27.6 tỷ USD chiếm 6.7% tổng kim ngạch xuất khẩu của Hoa Kỳ. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc gồm có: thiết bị điện thoại, máy tính xách tay, hàng dệt may, giày dép, bộ phận máy in, đồ chơi, ...

Đối tác thương mại lớn thứ 3 là Mexico, kim ngạch xuất khẩu của Hoa Kỳ sang nước này đạt 60.94 tỷ USD chiếm khoảng 14.8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Hoa Kỳ trong khi kim ngạch nhập khẩu đạt 75.52 tỷ USD chiếm 12.29% tổng kim ngạch nhập khẩu.

NHẬP KHẨU MỘT SỐ LOẠI HÀNG HÓA CHÍNH CỦA HOA KỲ

Đơn vị: triệu USD

HS	Sản phẩm	Q2/2013	Q1/2014	Q2/2014	Tăng trưởng so với quý trước (%)	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
'870323	Xe ô tô có dung tích trên 1500cc dưới 3000cc	21,741.26	19,378.05	21,815.51	12.58	0.34
'999999	Hàng hóa đặc biệt	18,855.12	17,135.77	18,648.43	8.83	-1.10
851712	Điện thoại di động và các loại điện thoại dùng cho mạng không dây khác	13,254.95	9,459.39	12,844.24	35.78	-3.10
'847130	Máy tính xách tay trọng lượng <10kg	9,917.95	8,994.07	10,160.78	12.97	2.45
851762	Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến	7,713.95	7,129.51	8,681.17	21.76	12.54
854231	Đơn vị xử lý và đơn vị điều khiển, có hoặc không kết hợp với bộ nhớ, bộ chuyển đổi, mạch logic, khuếch đại, đồng hồ và mạch định giờ, hoặc các mạch khác	4,353.20	3,812.20	4,550.86	19.38	4.54
870899	Thiết bị vận tải	3,366.09	3,300.80	3,527.84	6.88	4.81
870431	Xe tải có trọng lượng dưới 5 tấn	1,963.18	2,875.23	3,177.63	10.52	61.86
870829	Bộ phận, thiết bị khác dùng cho xe cộ (trừ xe lửa, xe điện)	2,945.97	2,966.09	3,168.98	6.84	7.57
841191	Bộ phận máy bay phản lực	2,692.48	2,843.55	2,978.71	4.75	10.63

HS	Sản phẩm	Q2/2013	Q1/2014	Q2/2014	Tăng trưởng so với quý trước (%)	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước (%)
847170	Bộ lưu trữ máy tính	3,125.40	2,684.11	2,948.07	9.83	-5.67
854430	Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác loại sử dụng cho xe có động cơ, máy bay hoặc tàu thuyền:	2,285.63	2,319.35	2,528.98	9.04	10.65
870840	Hộp số và bộ phận của chúng:	2,505.78	2,416.70	2,477.40	2.51	-1.13
853710	Bảng chuyển mạch, bảng điều khiển dùng cho điện áp không quá 1.000 V	2,192.06	2,240.07	2,375.72	6.06	8.38
850440	Máy biến đổi tĩnh điện	2,076.55	2,068.54	2,355.36	13.87	13.43
950300	Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh; xe của búp bê	1,957.65	2,136.81	2,147.23	0.49	9.68
401110	Lốp loại bơm hơi bằng cao su, chưa qua sử dụng, loại dùng cho xe con	2,148.50	1,867.59	2,118.45	13.43	-1.40
854140	Thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng module hoặc thành bảng; điốt phát sáng	1,393.16	1,569.25	1,826.92	16.42	31.13
640399	Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da thuộc	1,739.25	1,827.39	1,717.00	-6.04	-1.28
611020	Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc làm từ bông	1,643.43	1,705.08	1,577.84	-7.46	-3.99

Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế

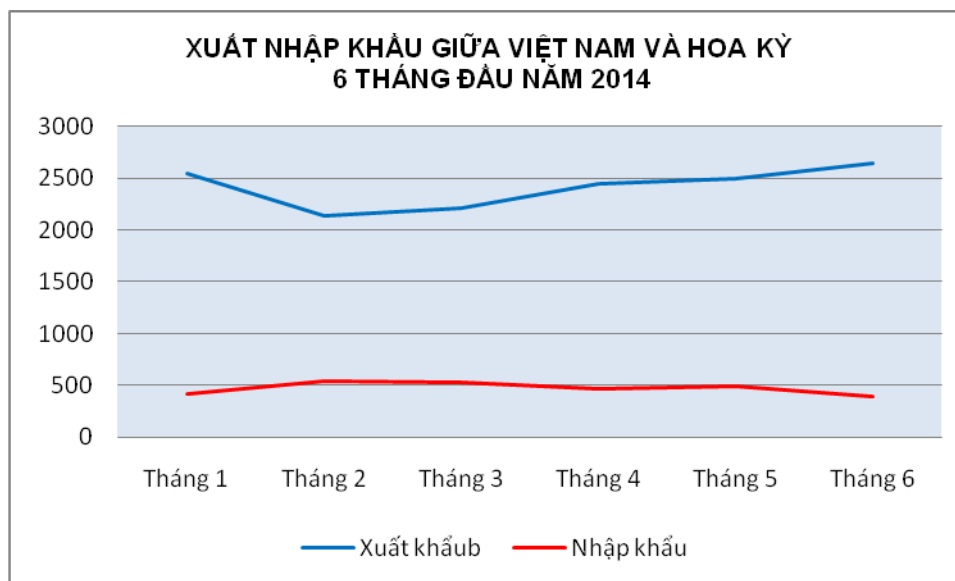
2. Tình hình quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ

Hoa Kỳ vẫn là đối tác xuất nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam trong thời gian qua. Trong vòng 6 tháng đầu năm 2014, xuất khẩu của Việt Nam duy trì ở mức trên 2 tỷ USD/tháng, nhập khẩu ở mức trên 400 triệu USD/tháng. Thặng dư thương mại dương nghiêng về phía Việt Nam.

Tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Hoa Kỳ

Đơn vị: triệu USD

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6
Xuất khẩu	2,546.25	2,137.43	2,216.12	2,445.39	2,490.73	2,640.36
Nhập khẩu	419.04	539.99	529.23	469.37	493.79	392.11
Tổng kim ngạch	2,965.30	2,677.41	2,745.35	2,914.76	2,984.53	3,032.47
Thặng dư	2,127.21	1,597.44	1,686.88	1,976.01	1,996.94	2,248.25



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

Trong quý II, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 7,576 triệu USD tăng 23.85% so với cùng kỳ năm 2013. Trong khi đó Việt Nam nhập khẩu lại từ Hoa Kỳ 1,355 triệu USD, tăng 18.95% so với cùng kỳ năm trước.

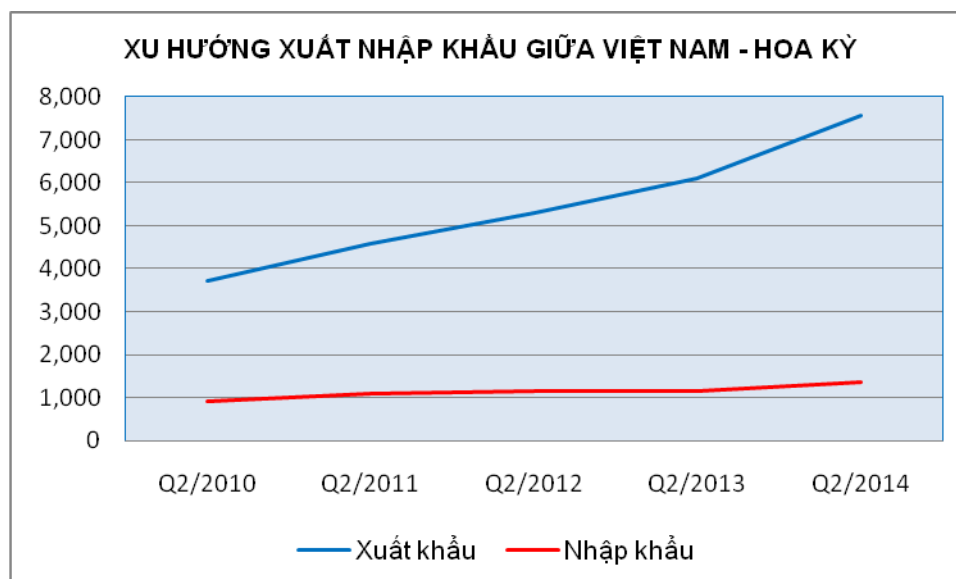
Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng trưởng ổn định trong những năm qua, với thặng dư thương mại dương, nghiêng về phía Việt Nam. Sang năm

2014, tăng trưởng thặng dư thương mại có xu hướng mở rộng rõ nét. Nguyên nhân là do kinh tế Hoa Kỳ đã tăng trưởng trở lại, chi tiêu dùng tăng lên. Các mặt hàng chủ lực của Việt Nam như thủy sản, dệt may, hồ tiêu,...đều là những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và đã có được chỗ đứng tại thị trường này

XU HƯỚNG XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM-HOA KỲ 5 NĂM QUA

Đơn vị: triệu USD

	Q2/2010	Q2/2011	Q2/2012	Q2/2013	Q2/2014
Xuất khẩu	3,705	4,565	5,297	6,118	7,576
Nhập khẩu	903	1,094	1,151	1,139	1,355
Tổng kim ngạch	4,608	5,660	6,448	7,257	8,932
Thặng dư	2,803	3,471	4,146	4,978	6,221
Tăng trưởng xuất khẩu		23.21	16.03	15.49	23.85
Tăng trưởng nhập khẩu		21.26	5.18	-1.01	18.95



Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG CHÍNH CỦA VIỆT NAM

Đơn vị: triệu USD

HS	Mặt hàng	Q2/2013	Q1/2014	Q2/2014	Tăng trưởng so với quý trước	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước
'847130	Máy tính xách tay trọng lượng <10kg	194.88	457.19	503.93	10.22	158.59
'940350	Đồ gỗ nội thất phòng ngủ	332.84	349.92	355.30	1.54	6.75
640399	Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da thuộc	261.98	243.23	293.80	20.79	12.15
611020	Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc làm từ bông	204.41	254.76	227.12	-10.85	11.11
'851712	Điện thoại di động và các loại điện thoại dùng cho mạng không dây khác	96.47	168.20	226.82	34.85	135.12
640299	Các loại giày, dép khác có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc plastic, loại khác	160.67	219.80	207.37	-5.66	29.06
640411	Giày, dép thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày luyện tập và các loại tương tự	160.29	163.59	188.08	14.97	17.34
090111	Cà phê chưa rang, chưa xử lý cafein	120.56	103.70	158.85	53.19	31.76
030617	Tôm shrimps và tôm prawn khác (Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh)	84.59	155.91	158.21	1.48	87.03
620462	Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần	148.24	170.90	156.67	-8.33	5.69

HS	Mặt hàng	Q2/2013	Q1/2014	Q2/2014	Tăng trưởng so với quý trước	Tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước
	soóc làm từ bông					
611030	Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigan), gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc từ sợi nhân tạo	145.23	139.17	149.36	7.32	2.84
420292	Hộp túi đựng mặt ngoài bằng plastic hoặc vật liệu dệt	112.85	101.28	138.31	36.57	22.57
080132	Hạt điều đã bóc vỏ	130.06	93.37	134.04	43.56	3.06
640391	Giày cổ cao quá mắt cá chân	103.91	96.16	125.49	30.51	20.77
851762	Máy thu, đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác, kể cả thiết bị chuyển mạch và thiết bị định tuyến	55.00	67.85	104.59	54.15	90.17
'854430	Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác loại sử dụng cho xe có động cơ, máy bay hoặc tàu thuyền:	95.16	96.69	94.60	-2.16	-0.59
090411	hạt tiêu chưa xay hoặc chưa nghiền	59.16	22.46	93.49	316.23	58.04
160521	Tôm shrimp và tôm prawn không đóng hộp kín khí	36.44	76.67	92.02	20.03	152.54

Nguồn: tính toán theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế

PHẦN 2. QUY ĐỊNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀO HOA KỲ

1. Một số điểm cần lưu ý trong hệ thống pháp luật Hoa Kỳ

- *Chính sách đối xử với các nước và các nhóm nước:* Hoa Kỳ chia các nước thành nhiều nhóm như: nhóm kinh tế thị trường, nhóm các nước XHCN cũ, nhóm nước bị Hoa Kỳ cấm vận. Đối với mỗi nhóm nước Hoa Kỳ có chính sách đối xử khác nhau.

Ví dụ: đối với Việt Nam là nhóm nước phi thị trường thuộc nhóm nước XHCN thì trong các vụ kiện Hoa Kỳ sẽ có chế độ đối xử khác với các nước thuộc nhóm nước thị trường, như yêu cầu cung cấp thông tin sớm hơn nhưng lại nhận được thông báo muộn hơn so với các nước thuộc nhóm thị trường. Điều này gây không ít bất lợi cho các nhà xuất khẩu.

- *Luật thuế quan:* do chính sách phân biệt đối xử nên đối với thuế suất, những nước khác nhau được hưởng mức thuế khác nhau: chỉ những nước gia nhập WTO và các nước có thỏa thuận tối huệ quốc thì Hoa Kỳ mới cho hưởng Quy chế tối huệ quốc (không phân biệt đối xử) MFN đầy đủ (hay còn gọi PNTR). Mức thuế giành cho các nước được hưởng Quy chế tối huệ quốc (các nước thành viên WTO và các nước có thỏa thuận tối huệ quốc với Hoa Kỳ) thấp hơn nhiều so với mức thuế cho các nước không được hưởng tối huệ quốc.

- *Luật chống bán phá giá:* hiện nay Việt Nam vẫn bị Hoa Kỳ coi là nước có nền kinh tế phi thị trường, cho nên theo đánh giá của Hoa Kỳ, chính phủ vẫn còn can thiệp sâu vào nền kinh tế làm cho giá cả và chi phí sản xuất không phải thước đo thực sự đối với giá trị. Vì vậy nhiều lô hàng Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ bị vướng phải những vụ kiện bán phá giá. Trường hợp bị kiện, nhà xuất khẩu sẽ phải cung cấp thông tin về số liệu, về loại và về số/khối lượng các yếu tố đầu vào của sản xuất cho Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) hoặc Ủy ban Thương mại Hoa Kỳ (USITC). Các tổ chức này sẽ xây dựng chi phí sản xuất trực tiếp của sản phẩm bằng cách nhân số/khối lượng sản phẩm với các yếu tố đầu vào với giá của các yếu tố đầu vào tại nước thay thế (nước có nền kinh tế thị trường phát triển ở trình độ tương đương) cộng thêm một khoản chi phí cố định, chi phí khấu hao, chi phí chung, bán hàng, hành chính để tính ra toàn bộ chi phí sản xuất của một đơn vị sản phẩm. Chi phí sản xuất này cộng với lãi và chi phí đóng gói theo mức ở nước thay thế được coi là giá trị thông thường của sản phẩm. Tuy nhiên nước thay thế do Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) tùy chọn dựa trên thu nhập quốc dân bình quân đầu người nên nhiều khi mang tính chủ quan rất bất lợi cho nhà xuất khẩu. Vì vậy cơ hội giành được thắng lợi của các nhà xuất khẩu là rất thấp. Mặc dù vậy, nhà xuất khẩu cần tham gia tích cực để cung cấp thông tin cho Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) và Ủy ban

Thương mại Hoa Kỳ (USITC) nhằm đưa ra những hướng có lợi cho mình. Hơn nữa, kết luận cuối cùng của DOC và USITC không đưa ra cho riêng từng công ty mà kết luận dựa trên toàn bộ khối lượng hàng hóa nhập khẩu. Do vậy các nhà xuất khẩu cần liên kết chặt chẽ với nhau.

2. Thủ tục hải quan khi xuất khẩu hàng hóa vào Hoa Kỳ

Mọi hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ đều phải làm thủ tục hải quan trừ lô hàng có giá trị dưới 200 USD. Đối với lô hàng có trị giá dưới 1,250 USD được coi là nhỏ và thủ tục đơn giản hơn nhiều so với những lô hàng có giá trị lớn (thủ tục chỉ cần vận đơn, hóa đơn và giấy đóng gói). Đối với những lô hàng có trị giá trên 1,250 USD thì phải làm thủ tục hải quan chính thức (thông thường các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ sẽ sử dụng môi giới hải quan để làm thủ tục này).

Các chứng từ phải xuất trình khi làm thủ tục hải quan: trong vòng 5 ngày kể từ khi hàng hóa đến cảng Hoa Kỳ, nhà nhập khẩu phải xuất trình các loại giấy tờ sau:

- Bản khai nhập khẩu
- Bảng chứng về quyền nhập cảnh hàng hóa
- Hóa đơn thương mại (hoặc pro-forma invoice)
- Phiếu đóng gói
- Các chứng từ khác để chứng nhận nguồn gốc hàng hóa

Sau khi nộp các tờ khai và tài liệu giao hàng để làm thủ tục nhập khẩu, lô hàng có thể phải kiểm hóa hoặc được miễn kiểm hóa, sau đó được nhận hàng. Nếu hàng không có vi phạm pháp luật hoặc vi phạm các qui định khác về hàng nhập khẩu, nhà nhập khẩu sẽ nhận được bản tóm tắt hàng hóa dùng để ước tính mức thuế phải nộp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi hoàn tất thủ tục tại Hải quan cửa khẩu. Đối với hàng khi nhập cảng Hoa Kỳ bị hỏng hóc, không còn giá trị thương mại thì sẽ không bị tính thuế. Hàng bị hỏng hóc một phần thì nhà nhập khẩu có trách nhiệm tách riêng phần hàng hóa bị hỏng hóc và làm đơn xin miễn trừ thuế trong vòng 96 giờ kể từ khi dỡ hàng và trước khi dời khỏi cầu cảng.

Lệ phí hải quan:

- Thuế nhập khẩu: được tính dựa trên biểu thuế nhập khẩu của Hoa Kỳ áp dụng cho từng loại hàng hóa với từng nước khác nhau

- Thủ tục chính thức: áp dụng cho lô hàng hóa có giá trị trên 1.250 USD có mức tối thiểu 21 USD, tối đa 400 USD đối với mỗi lô hàng và có thể tăng lên 0.21% trị giá lô hàng (đối với thủ tục không chính thức áp dụng cho lô hàng trị giá từ 200-1,250USD có mức phí từ 2-8 USD tùy theo công sức làm thủ tục và kiểm hóa của nhân viên hải quan)

- Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số loại hàng hóa (ví dụ như rượu, bia ...)

- Phí cầu cảng: 0.125% trị giá lô hàng

Hàng không hoàn tất thủ tục (hàng bị tạm giữ):

- Nếu hàng không thể hoàn tất thủ tục trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày đến có thể bị đưa vào kho tạm giữ của hải quan với chi phí và rủi ro tính cho người nhập khẩu. Trong vòng 6 tháng nếu không hoàn tất thủ tục sẽ bị đưa ra bán thanh lý. Chi phí lưu kho, chi phí bán, thuế nhập khẩu và các chi phí khác sẽ được trừ trong số tiền bán hàng, số tiền còn thừa sẽ được trả cho người đứng tên trên vận đơn, nếu người này xác nhận trong vòng 10 ngày sau khi bán.

- Người vận chuyển có trách nhiệm thông báo cho chủ hàng về lô hàng bị tạm giữ.

Lưu ý:

- Ngoài thuế nhập khẩu thì Hoa Kỳ còn áp dụng nhiều biện pháp quản lý hàng nhập khẩu: các quy định về chống bán phá giá, qui định về an toàn vệ sinh, hạn ngạch ...

- Nhằm chống chuyển tải bất hợp pháp và giao hàng sai hạn ngạch, đối với mặt hàng dệt may khi nhập khẩu vào Hoa Kỳ trước đây buộc phải xin visa, nhưng từ 1/1/2009 hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ được miễn visa.

- Mọi hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ đều phải mua bảo hiểm. Thông thường các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ sẽ giành quyền mua bảo hiểm cho hàng hóa. Các nhà xuất khẩu Hoa Kỳ cũng sẵn sàng mua bảo hiểm cho hàng hóa nếu được yêu cầu.

3. Thủ tục thành lập công ty hoặc mở văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ

Cơ quan quản lý: ở Hoa Kỳ, mỗi Bang lại có các luật khác nhau điều chỉnh. Tương tự như vậy việc đăng ký thành lập doanh nghiệp ở mỗi Bang lại do một cơ quan khác nhau phụ trách.

Ví dụ: ở Washington DC là Văn phòng Phát triển Doanh nghiệp và Kinh tế và Ban Doanh nghiệp thuộc Bộ Bảo vệ người tiêu dùng; Bang Ohio là Văn phòng Bang, New York là Sở Ngoại giao ...

Giấy tờ: để thành lập doanh nghiệp tại Hoa Kỳ, trước hết công ty Việt Nam phải có đầy đủ: (i) Giấy tờ thành lập công ty tại Việt Nam: điều lệ thành lập công ty, danh sách cổ đông, sáng lập viên, giấy phép hành nghề tại Việt Nam; (ii) Các giấy tờ kèm theo xác nhận hoạt động kinh doanh tốt, có hiệu quả ... do các công ty kiểm toán độc lập, có uy tín cấp, do các ngân hàng có uy tín cấp, do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Mỗi Bang có yêu cầu khác nhau đối với các giấy tờ này và về công chứng giấy tờ. Mẫu đơn đăng ký theo hướng dẫn của từng Bang.

Lệ phí: mức lệ phí cộng với một số chi phí phát sinh thông thường không quá cao, tối đa ở mức 500 USD. Song nhiều công ty muốn tiết kiệm thời gian thì có thể tự nộp đơn cho cơ quan hữu quan Hoa Kỳ thông qua một cơ quan tư vấn luật. Chi phí có thể lên tới vài nghìn USD, do phí thuê luật sư thường rất cao, chi phí thường trả theo giờ, giá tùy thuộc vào trình độ và thâm niên của luật sư.

Các thủ tục sau khi thành lập: sau khi đã có giấy phép thành lập, với một số ngành nghề (kinh doanh dược phẩm, y tế ...) thì phải đăng ký với cơ quan chuyên ngành. Tiếp theo là đăng ký với sở thuế và mở tài khoản ngân hàng.

Trong quá trình hoạt động, việc khai thuế chính xác, không chậm trễ là một trong những yêu cầu quan trọng. Có thể doanh nghiệp sẽ phải thuê kiểm toán viên, tiền công thuê kiểm toán viên cũng khá tốn kém, tùy thuộc loại hình công ty mà có thể thuê làm báo cáo phù hợp.

Thời gian cấp phép đăng ký thành lập hoặc mở chi nhánh đại diện ở Hoa Kỳ mất khoảng 30 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hoàn chỉnh.

4. Một số điểm lưu ý khi kinh doanh tại Hoa Kỳ

Việc thành lập công ty hoặc mở văn phòng đại diện thì không tốn kém lắm, nhưng chi phí duy trì hoạt động của một văn phòng công ty tại Hoa Kỳ thì tương đối cao, do giá sinh hoạt và đặc biệt là giá nhân công lao động ở Hoa Kỳ rất cao.

Khi kinh doanh tại Hoa Kỳ, doanh nghiệp có thể thuê phòng làm việc, giá ở vị trí tương đối trung tâm vào khoảng 2,500 USD/tháng, phí dịch vụ điện thoại, Internet vào

khoảng 40-50USD/tháng. Phí nhân công vào khoảng 10,000USD/năm. Chi phí đi lại cũng rất đắt và phương tiện giao thông công cộng không mấy thuận tiện do các thành phố ở Hoa Kỳ rất rộng lớn. Để tiết kiệm chi phí, cách tốt nhất là nên thuê xe và tự lái.

Việc xin thị thực vào Hoa Kỳ khá phức tạp: thị thực kinh doanh (visa business) nhập cảnh vào Hoa Kỳ có thể cấp cho 1 năm, nhiều lần. Tuy nhiên, việc gia hạn tiếp tại Hoa Kỳ chưa có tiền lệ hoặc thoả thuận cụ thể giữa chính phủ hai nước. Visa thông thường được xếp loại là B1. Nếu có công ty, chi nhánh tại Hoa Kỳ thì visa là L1 và thời hạn tới 3 năm. Tuy nhiên việc xin visa L1 cho lãnh đạo công ty, cán bộ vào Hoa Kỳ làm việc thường khó khăn, phức tạp về thủ tục, giấy tờ do chính sách quản lý nhập cảnh chung, chính sách quản lý nhân sự và hoạt động tại Hoa Kỳ. Thông thường, nếu thuê luật sư để tiến hành các thủ tục xin visa cho các đối tượng qua Hoa Kỳ kinh doanh dài hạn tại các văn phòng đại diện phải mất chi phí khá lớn: từ 1,500 tới 3,000 USD/người cho việc hoàn thiện hồ sơ xin visa cho tới lúc được visa (phí nộp cho chính quyền chỉ khoảng hơn 100 USD/một visa).

Hoa Kỳ là quốc gia đa dạng với dân cư có nguồn gốc từ khắp nơi trên thế giới. Với đặc điểm như vậy nên văn hóa kinh doanh tại Hoa Kỳ cũng mang một màu sắc riêng biệt so với các nước trên thế giới.

Người Hoa Kỳ coi trọng tự do cá nhân rất lớn. Vì vậy tính cạnh tranh tại Hoa Kỳ được bộc lộ rất rõ. Khi đàm phán trong kinh doanh, người Hoa Kỳ thường vạch rõ mục tiêu cần đạt tới và thường đi thẳng vào vấn đề. Họ thường bị thuyết phục bởi các lý lẽ logic, thông tin ngắn gọn xúc tích mà đầy đủ. Thư hỏi hàng cần trả lời ngay và đi thẳng vào vấn đề, sự chậm trễ sẽ làm mất cơ hội kinh doanh. Họ cũng không ngần ngại nói rõ ý kiến của họ. Người Hoa Kỳ đặc biệt coi trọng lợi ích nên trong đàm phán họ đòi hỏi có đi có lại, đôi bên cùng có lợi.

Đối với người Hoa Kỳ, thời gian là vàng, nên khi đàm phán, họ thường muốn biết trước các thông tin về đối tác, về mục đích và chức vụ của người gặp. Đúng giờ là điểm cần lưu ý đặc biệt với người Hoa Kỳ, nếu đến muộn người Hoa Kỳ sẽ cho là đối tác thiếu quan tâm, nhiệt tình, kết quả sẽ không đạt được như ý muốn. Nếu vì nguyên nhân đặc biệt mà đến muộn bạn cần phải thông báo và xin lỗi đối tác. Khi đã đàm phán xong và không còn nội dung khác để thảo luận doanh nghiệp có thể chủ động kết thúc cuộc đàm phán. Người Hoa Kỳ có thể chủ động kết thúc cuộc thảo luận, cắt ngang để hỏi ý kiến hoặc để được giải thích thêm, đặc biệt là khi đàm phán không có lợi ích cho họ. Sau mỗi cuộc gặp, nên gửi thư cảm ơn và nhắc lại những điểm chính trong cuộc trao đổi.

Sau mỗi cuộc đàm phán nên giữ liên lạc thường xuyên với đối tác do người Hoa Kỳ nổi tiếng là thiếu kiên nhẫn và muốn được thông tin thường xuyên. Những nội dung có thể trả lời thì nên trả lời ngay, còn nếu những nội dung chưa rõ hoặc chưa làm được thì hẹn ở thư tiếp theo.

Người Hoa Kỳ có ý thức công cộng rất cao, thường thể hiện tình cảm một cách bộc trực và nồng nhiệt, các biểu hiện bằng ngôn ngữ cơ thể rất đa dạng, cần chú ý biểu hiện của đối tác để nắm bắt ý kiến của họ.

Giờ làm việc hàng ngày phổ biến nhất là từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều, trong đó có khoảng nửa đến một tiếng ăn trưa. Các ngân hàng thường mở cửa từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều. Tuy nhiên, cũng có nhiều ngoại lệ. Nhiều nơi có thể bắt đầu và kết thúc ngày làm việc sớm hơn. Các công ty kinh doanh thường làm việc nhiều giờ hơn và kết thúc ngày làm việc muộn hơn. Doanh nhân Hoa Kỳ ít khi ra khỏi công ty để đàm phán. Bạn cần đến công ty hoặc địa điểm do phía đối tác chọn sẵn. Đối tác người Hoa Kỳ cũng rất ít khi mời đối tác đi ăn để bàn công việc. Khi đàm phán thì tính chuyên nghiệp và tập trung là nổi bật, không nên làm việc cá nhân (như nghe điện thoại, thì thầm với người bên cạnh ...) trong khi đàm phán.

Một khi đã đồng ý hợp đồng thì người Hoa Kỳ sẽ nhất quán theo đuổi từ đầu đến cuối, ít khi thay đổi. Nhưng một khi đã xảy ra sai lệch thì rất khó nối lại hợp tác. Vì vậy khi làm việc với doanh nhân Hoa Kỳ cần hết sức kiên trì, chuẩn bị công việc chu tất trước khi đàm phán để đi đến hợp đồng.

PHẦN 3. ĐỊA CHỈ HỮU ÍCH

1. Cơ quan đại diện thương mại tại Hoa Kỳ

Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ

Địa chỉ 1233,20th Street, N.W.Suite 400, Washington DC, 20036
Tel 001202-861 0737
Fax 001202-861 0917
Email vietnamembassy@msn.com, consular@vietnamembassy.us

Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ

Địa chỉ 1730 M St., Suite 501, NW. Wahington, D.C. 20036 USA
Tel 001202-463-9425
Fax 001202-463-9439
Email us@moit.gov.vn ; vinatrade@vietnam-ustrade.org

Bộ Thương mại Hoa Kỳ

Địa chỉ 1401 Constitution Ave., NW, Washington, DC 20230
Điện thoại 001202-482-2000
Email TheSec@doc.gov
Website <http://www.commerce.gov>

Phòng Thương mại Hoa Kỳ

Địa chỉ 1401 Constitution Ave., NW, Washington, DC 20230
Tel 001202-482-0543
Fax 001202-842-4473
Email tic@ita.doc.gov
Website <http://www.ita.doc.gov>

2. Danh sách nhà xuất nhập khẩu

<http://www.list-company.com/company/list/i020020-r/Animals.shtml>

<http://www.export-import-companies.com/index.htm>

<http://www.usadirectory.biz/>

<http://www.usimportersdirectory.com/>

Dệt may.

Tên Công ty: Bank-Miller Co., Inc.

Địa chỉ: 333 Fifth Avenue Pelham, New York 10803

Điện thoại: (1) 914-227-9357

Email: info@bankmiller.com

Website: www.bankmiller.com/

Tên công ty: Caitac Garment Processing, Inc.

Địa chỉ: 14725 S. Broadway Gardena, CA 90248 USA

Tel (1) 310-217-9888

Fax (1) 310-217-9151 (Main)

E-Mail [administrator@caitacgarment.com/](mailto:administrator@caitacgarment.com) inquiry@caitacgarment.com

Website: www.caitacgarment.com/

Tên công ty: HARTSTRINGS CUSTOMER SERVICE

Địa chỉ: 680 American Avenue Suite 101, King of Prussia, PA 19406

Điện thoại: 888-535-0030

Email: csserv@hartstrings.com

Website: www.hartstrings.com

Tên công ty: Nygard International Ltd

Điện thoại: 1-877-469-4273

Email: onlinestore@nygard.com

Website: http://corporate.nygard.com/company-profile/?ID=31&Folder_id=14

Tên công ty: Fashion River Co Ltd

Địa chỉ: 525 7TH AVE # 23 New York, Ny 10018-6001 (Us)

Điện thoại: 1-212-391-4479

Fax: 1-212-391-4497

Tên công ty: A&g Inc Db a Alstyle Apparel

Địa chỉ: 1501 E. Cerritos Avenue Anaheim Ca, 92805 USD

Điện thoại: 1 (714)7650400

Fax: 1 (503)2205535

Mail: info@alstyle.com

Website: <https://www.alstyle.com/default.aspx>

Thực phẩm**Tên công ty: BALDWIN A. BRIAN INTERNATIONAL INC.**

Địa chỉ: 15354 E.VALLEY BLVD,CITY OF INDUSTRY, CA,91746

Điện thoại: 1- 626-336-3218

Fax: 1-626-701-3386

Mail: sales@baldwinabrian.com

Tên công ty: Wholesale Unlimited Inc.

Địa chỉ: 94-110 Kopake Street Waipahu, Hawaii 96797 USA

Mail: info@cybersnacks.net

Điện thoại: 1 (800) 820-7629

Tên công ty: Roxy Trading Inc

Địa chỉ: Southern California (Headquarter), 389 North Humane Way, Pomona, CA 91768

Điện thoại: 1- 626-610-1388

Fax: 1- 626-610-1339

Website: <http://www.roxytrading.com/pages/contact.asp>

Đồ nội thất

Tên công ty: HARDWARE CONCEPTS, INC.

Địa chỉ : 4780 N.W. 128th Street, Opa Locka, U.S.A FL 33054

Tel : 1-305 685 1101

Fax : 1-305 685 1505

Email : sales@hardwareconcepts.com

Website : <http://www.hardwareconcepts.com>

Tên công ty: Circa Home Furniture

Địa chỉ : 8724 Santa Fe, Overland Park Kansas, USA 66212

Tel : +1-913 6424556

Email : michelleb@kc.rr.com

Tên công ty: Andes International., Inc.

Địa chỉ: 4725 S. Nautilus Ct., #1, Boulder Co, USA 80301

Tel: 91 303-938 0880

Fax: 91 303-530 2399

Email: karin.h@andesinternational.com

Website: <http://www.andesinternational.com>